

Hợp đồng cho thuê lại nhà ở

Cho thuê lại phòng hoặc căn hộ
Theo pháp luật Việt Nam

1. Bên thuê chính

Họ và tên (bên thuê chính)

Số nhà, tên đường (bên thuê chính)

Mã bưu chính (bên thuê chính)

Tỉnh / thành phố (bên thuê chính)

Điện thoại hoặc e-mail (bên thuê chính)

2. Bên thuê lại

Họ và tên (bên thuê lại)

Số nhà, tên đường (bên thuê lại)

Mã bưu chính (bên thuê lại)

Tỉnh / thành phố (bên thuê lại)

Điện thoại hoặc e-mail (bên thuê lại)

3. Diện tích cho thuê lại

Địa chỉ căn hộ (số nhà, đường, phường/xã, tỉnh/thành phố)

Phòng cho thuê lại

Sử dụng chung (bếp, nhà tắm, hành lang ...)

Phòng được cho thuê lại kèm nội thất.

4. Thời hạn

Ngày bắt đầu

Có thời hạn đến (ngày, không bắt buộc)

Nếu không thỏa thuận thời hạn, việc thuê lại là không xác định thời hạn; áp dụng thời hạn báo trước theo pháp luật và theo thỏa thuận.

5. Tiền thuê và tiền đặt cọc

Tiền thuê hằng tháng gồm chi phí chung (số tiền)

Tiền đặt cọc (số tiền)

Tiền thuê được trả trước hằng tháng, chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba của tháng.

6. Sự đồng ý của bên cho thuê (chủ nhà)

Đã có sự đồng ý của bên cho thuê về việc cho thuê lại.

Lưu ý: cho thuê lại mà không có sự đồng ý của bên cho thuê có thể dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thuê chính.

7. Thỏa thuận khác

Thỏa thuận khác (ví dụ: nội quy nhà, dọn dẹp)

Địa điểm

Ngày

Địa điểm

Ngày

Chữ ký bên thuê chính

Chữ ký bên thuê lại